

Số: 100/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 5 - 2025.

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Ngọc Liêm;

2. Ông Ngô Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 673/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về: *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 211/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn L, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Số E, tổ F, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu L1, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Số E, tổ F, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, có mặt ông L, vắng mặt bà L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 17/9/2024 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn ông Bùi Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà L1 được hình thành là do tự tìm hiểu, gia đình hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2004, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 ngày 24/4/2010. Cuộc sống chung

hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bà L1 không quan tâm gia đình và tự ý bỏ nhà đi rồi ly thân nhau từ hơn 04 năm nay. Trong thời ly thân gia đình bỏ mặt vì xét không thể hàn gắn lại được. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn với bà L1.

Về quan hệ con chung: Ông với bà L1 có 01 con chung tên Bùi Minh N, sinh ngày 26/3/2005, hiện đã trưởng thành và sống tự lập, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông với bà L1 không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Ông với bà L1 không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bà Huỳnh Thị Thu L1 để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng bà vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, ông L bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Ông L – bà L1 chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, theo ông L thì bà L1 không quan tâm gia đình và tự ý bỏ nhà đi rồi ly thân nhau từ hơn 04 năm nay, gia đình bỏ mặt, nên ông L xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung Bùi Minh N đã trưởng thành, tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Ông L khởi kiện ly hôn với bà L1 là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà L1 có địa chỉ cư trú tại huyện C, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Bà L1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên HĐXX xét xử vắng mặt bà L1, theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông L – bà L1 kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2004, hôn nhân có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 ngày 24/4/2010, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, ông L bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do bà L1 không quan tâm gia đình và tự ý bỏ nhà đi rồi ly thân nhau từ hơn 04 năm nay, gia đình bỏ mặt, hiện tình cảm vợ chồng không còn.

Qua trình bày của ông L, mặc dù bà L1 đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng về yêu cầu xin ly hôn của ông L, nhưng bà không có ý kiến phản đối, chứng tỏ trình bày của ông L là có căn cứ, mâu thuẫn giữa hai người không chỉ trong thời gian ngắn mà kéo dài nhiều năm, nên khả năng đoàn tụ lại không thể, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông L.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét thấy cháu Bùi Minh N, hiện đã trưởng thành và sống tự lập ông L không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Ông L khai ông với bà L1 không có tài sản chung và không có nợ chung. Tuy nhiên do bà L1 vắng mặt, nên HĐXX không xem xét và không đề cập ở phần quyết định. Nếu sau này bà L1 có chứng cứ khác chứng minh có tài sản chung, có nợ chung và bà L1 có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Ông Bùi Văn L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Văn L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Văn L được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thu L1.

Về quan hệ con chung: Ông Bùi Văn L và bà Huỳnh Thị Thu L1 có 01 con chung tên Bùi Minh N, sinh ngày 26/3/2005, ông L không yêu cầu.

Về án phí: Ông Bùi Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023455 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (ông L nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2025), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện Chợ Mới;
- THADS Chợ Mới đề thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- [vp.](#)

Lê Văn Huệ